TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 176/2026/QĐST-VLĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Hồng.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Thái Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 227/2026/TLST-VLĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số:158/2026/QĐST-VLĐ ngày 29 tháng 5 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1990; nơi thường trú: Khu phố Q, phường N, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên lạc: Số C, đường số C, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; nơi thường trú: Thôn T, xã B, tỉnh Thanh Hóa, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt);

- Công ty TNHH S; địa chỉ: T đất số 214, TBĐ số 11, khu phố T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt);

- Bảo hiểm xã hội cơ sở Dĩ An - Thành phố H; địa chỉ: Đường T, khu T hành chính D, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội Cơ sở Dĩ An; là người đại diện theo ủy quyền, (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày:

Từ tháng 12/2009 đến tháng 01/2011, bà V làm việc tại Công ty TNHH T3, vị trí tổ trưởng, thời gian làm việc từ 07 giờ sáng đến 20 giờ (đã bao gồm tăng ca) và được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội. Đồng thời, trong khoảng thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 01/2011, bà Nguyễn Thị V cho em gái Nguyễn Thị T mượn chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S. Do hiểu biết pháp luật hạn chế, để bà Nguyễn Thị T tìm được việc làm có thu nhập nuôi sống bản thân và phụ giúp gia đình nên bà Nguyễn Thị V mới cho mượn chứng minh nhân dân để đi xin việc. Vì vậy, bà Nguyễn Thị V bị trùng bảo hiểm xã hội trong thời gian cho bà Nguyễn Thị T mượn thông tin cá nhân để làm việc. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm xã hội, bà Nguyễn Thị V yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên bà Nguyễn Thị V (do bà Nguyễn Thị T là người ký kết) với Công ty TNHH S là vô hiệu. Bà Nguyễn Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T thống nhất trình bày của bà Nguyễn Thị V. Để đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm của bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động theo đơn yêu cầu của bà Nguyễn Thị V. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D - Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1990, số căn cước công dân 038190004450, thì Công ty TNHH S có tham gia BHXH, BHTN cho bà Nguyễn Thị V theo số sổ BHXH 7409058666 có quá trình tham gia BHXH, BHTN từ tháng 12/2009 đến tháng 01/2011 đã chốt sổ và chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, bà Nguyễn Thị V còn có mã số BHXH 7408330532 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 12/2008 đến tháng 02/2012 tại Công ty TNHH T3. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Nguyễn Thị V và Công ty TNHH S đề nghị Tòa án căn cứ vào Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ – CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về các yêu cầu khác của bà Vân T2 bà không có ý kiến.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S trình bày: Công ty TNHH S vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Nguyễn Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng

mặt các đương sự là phù hợp. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị V là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Nguyễn Thị V, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH S vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Xem xét yêu cầu của đương sự: Trong thời gian từ tháng 12/2009 đến tháng 01/2011, người lao động tên Nguyễn Thị V, sinh năm 1990, căn cước công dân 038190004450, được Công ty TNHH S tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7409058666. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH S và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian tháng 12/2009 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị T (do bà Nguyễn Thị V cho bà Nguyễn Thị T mượn chứng minh nhân dân để xin việc làm).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị T phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian từ 12/2009 đến tháng 01/2011, bà Nguyễn Thị V tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH) 7408330532 tại Công ty TNHH T3. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian tháng 12/2009 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị T, không phải là bà Nguyễn Thị V.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của

người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà Nguyễn Thị T mượn hồ sơ cá nhân của bà Nguyễn Thị V để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH số 7409058666 từ tháng 12/2009 đến tháng 01/2011 tại Công ty TNHH S là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị V với Công ty TNHH S theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409058666 bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị V về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH S trong giai đoạn tháng 12/2009 đến tháng 01/2011 là bà Nguyễn Thị T, không phải là bà Nguyễn Thị V. Bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị V có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409058666.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 146, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, Điều 50, Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Nguyễn Thị V.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị V với Công ty TNHH S (Theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409058666) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7409058666 không phải là bà Nguyễn Thị V , sinh năm 1990; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 038190004450. Bà Nguyễn Thị V và bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7409058666.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0030981 ngày 19/5/2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Trần Thị Hồng